

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/DS-PT
Ngày: 14-01-2025
V/v tranh chấp: “Đòi lại QSDĐ,
tháo dỡ công trình trên đất,
QSDĐ”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thuý

Bà Nguyễn Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 đến ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Đòi lại QSDĐ, tháo dỡ công trình trên đất QSDĐ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 621/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Lê Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Trường X, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số A T, phường I, thành phố M, Tiền Giang. (có mặt)

* Bị đơn: Lê Thị N, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Quang V, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp G, Xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lê Thị T, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Lê Phúc T1, sinh ngày 16/10/2009.

Người đại diện hợp pháp của cháu T1: Lê Thị N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

*** *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Lê Thị H và quá trình tố tụng đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Trường X trình bày:***

Bà Lê Thị H và bà Lê Thị N là chị em ruột và là con của bà Lê Thị T, sinh năm 1953. Bà Lê Thị T là mẹ ruột có đứng chủ quyền thửa đất số 430, tờ bản đồ số 06, diện tích 127,3m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị 87,8m² và đất trồng cây hàng năm khác 39,5 m² trên đất có căn nhà bán kiên cố. Năm 2019 bà T có đo đạc cắt chia đều cho bà H và bà N, mỗi người được phần đất có chiều ngang 3,5 mét, chiều dài đến hết đất. Tuy nhiên do phần đất được tặng cho có dính một phần căn nhà, thực tế bà T cho riêng phần căn nhà theo ranh đất đo đạc lúc tặng cho, tuy nhiên bà N cho rằng toàn bộ căn nhà là của bà N nên bà N đang sử dụng.

Năm 2020 bà H có nhu cầu cất nhà kiên cố để dễ bề chăm sóc cho bà Lê Thị T, bà H có yêu cầu bà N tháo dỡ phần diện tích của căn nhà nằm trên phần đất đã được tặng cho nhưng bà N không đồng ý, từ đó bà H với bà N xảy ra tranh chấp. Phần nhà đang hiện hữu trên phần đất được cho có chiều ngang 2 mét, chiều dài hết đất (khoảng 17,94 mét) tổng diện tích khoảng 35,88m².

Ngày 23/12/2022 bà H và bà N được UBND thị trấn T mời lên để tham gia buổi hòa giải về vụ tranh chấp trên nhưng không thống nhất được ý kiến, nên buổi hòa giải không thành.

Nhận thấy quyền và lợi ích của mình bị ảnh hưởng nay bà H làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ phải tháo dỡ phần diện tích căn nhà và toàn bộ tài sản trên đất ở trên phần đất có chiều ngang 2 mét, chiều dài 17,94 mét thuộc thửa đất số 444 tờ bản đồ số 06; diện tích: 63,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP378432; Số vào sổ cấp GCN: CS01943 ngày 18/9/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận tại phần IV trang 4 những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo hồ sơ số 002100.TA.002 cho bà Lê Thị H ngày 18/11/2019; đất tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Yêu cầu bà Lê Thị N phải trả cho bà H phần đất có diện tích 35,88m² thuộc thửa đất số 444 tờ bản đồ số 06; diện tích: 63,6m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP378432; Số vào sổ cấp GCN: CS01943 ngày 18/9/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận tại phần IV trang 4 những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo hồ sơ số 002100.TA.002 cho bà Lê Thị H ngày 18/11/2019; đất tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra trên phần đất bà H được cấp có 01 phần căn nhà trước hiện bà T sử dụng, bà H không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bà H sẽ tháo dỡ cất lại nhà cho bà T sau.

*** *Tại đơn phản tố, bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Lê Thị N trình bày:***

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của mẹ ruột bà là bà Lê Thị T đứng chủ quyền thửa đất số 430, tờ bản đồ số 06, diện tích 127,3m². Trước đó năm 1999 bà T có cho bà cất căn nhà trên phần đất này. Năm 2019 bà T lấy lại một nửa cho em bà là bà H, hiện bà đang đứng tên phần đất thửa đất số 443 tờ bản đồ số 06;

diện tích: 63,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ885297; Số vào sổ cấp GCN: CS02111 ngày 17/5/2019. Trên phần đất được tách ra tặng cho bà H có 01 phần căn nhà của bà nằm trên thửa 444 của bà H. Nay bà H yêu cầu bà trả đất và tháo dỡ căn nhà trên đất của bà H thì bà đồng ý. Tuy nhiên bà yêu cầu bà H phải trả bà chi phí tháo dỡ để cất lại nhà mới trên phần đất của bà với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra trên phần đất của bà được được cấp có 01 phần căn nhà trước của bà T hiện bà T đang sử dụng, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà N có yêu cầu phản tố đề ngày 22/02/2024, yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 444 tờ bản đồ số 06; diện tích: 63,6m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP378432; Số vào sổ cấp GCN: CS01943 ngày 18/9/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận tại phần IV trang 4 những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo hồ sơ số 002100.TA.002 cho bà Lê Thị H ngày 18/11/2019; đất tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang là của bà N. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày:**

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Lê Thị T đứng chủ quyền thửa đất số 430, tờ bản đồ số 06, diện tích 127,3m². Trước đó bà T cất căn nhà trên phần đất này, sau này cho bà N ở và bà cất nhà phía trước để ở. Năm 2019 bà T chia cho bà H và bà N mỗi người một nửa. Bà H và bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và yêu cầu của bà N thì bà không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 208/2024/DSST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: khoản 9 Điều 26, a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, 164, 166 và 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 166, 167 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Buộc bà Lê Thị N phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình là nhà ở kết cấu móng gạch, cột xi măng, kèo gỗ, vách tường + lá, nền xi măng và trả lại phần đất diện tích là 37,4m² (trong đó nhà ở là 22,8m² và đất trồng 13,6m²) thuộc thửa 444, diện tích 63,6m², tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây hàng năm; tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01943 ngày 18/9/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận tại phần IV trang 4 những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo hồ sơ số 002100.TA.002 cấp cho bà Lê Thị H ngày 18/11/2019 để trả lại phần đất cho bà Lê Thị H. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vị trí, số đo cụ thể thể hiện tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 30/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, có kèm theo sơ đồ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H hỗ trợ chi phí di dời nhà cho bà Lê Thị N số tiền 30.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị N về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 444 tờ bản đồ số 06; diện tích 63,6m² đất tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang là của bà Lê Thị N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/8/2024 bị đơn Lê Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Lê Thị N có đại diện theo uỷ quyền anh Trần Quang V trình bày yêu cầu kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử buộc bà H hỗ trợ chi phí di dời nhà cho bà N số tiền 65.400.540 đồng.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng anh Lê Trường X không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N chỉ đồng ý hỗ trợ 30.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: bà N kháng cáo không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới nên đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của đại diện uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N kháng cáo còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi lại QSDĐ, tháo dỡ công trình trên đất QSDĐ”.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị H có đại diện theo uỷ quyền anh Lê Trường X, Bị đơn bà Lê Thị N có đại diện theo uỷ quyền anh Trần Quang V tất cả đều có mặt, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T có đơn xin vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung kháng cáo bà Lê Thị N yêu cầu Toà cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu bà H bồi thường chi phí tháo dỡ căn nhà là 65.400.540 đồng.

Qua xem xét hồ sơ việc, về nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01943 ngày 18/9/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận tại phần IV trang 4 những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo hồ sơ số 002100.TA.002 cấp cho bà Lê Thị H ngày 18/11/2019 đối với thửa đất số 444 tờ bản đồ số 06; diện tích: 63,6m²; tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc đất sử dụng là bà H được bà Lê Thị Tiến T2 cho đất từ một phần thửa 430. Thửa đất số 430, tờ bản đồ số 06, diện tích 127,3m² có nguồn gốc bà T nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình ông Lê Văn V1. Bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01943 ngày 18/9/2018. Đến năm 2019 bà T tặng cho bà Lê Thị N một phần đất diện tích 63,7m² và bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 443 tờ bản đồ số 06; diện tích: 63,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02111 ngày 17/5/2019. Diện tích còn lại 63,6m², số thửa 430, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng đất ở 44,2 m² còn lại là đất trồng cây hàng năm. Phần đất còn lại này bà T tặng cho bà H và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 444 tờ bản đồ số 06; diện tích: 63,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01943 ngày 18/9/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận tại phần IV trang 4 những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo hồ sơ số 002100.TA.002 cho bà Lê Thị H ngày 18/11/2019.

Khi các bên làm thủ tục tách thửa thì trên đất có một căn nhà bán kiên cố của bà T. Bà H và bà N mỗi người được tặng cho quyền sử dụng đất có dính một phần căn nhà. Thực tế bà N và bà H đều biết và thừa nhận khi chia đất thì phải dính căn nhà trên mỗi phần đất bà H và bà N được nhận, các bên đã thống nhất sự việc bà T cho đất là bà H và bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được cho. Tuy nhiên, sau đó khi bà H yêu cầu bà N tháo dỡ phần căn nhà trên đất bà H nhưng bà N không đồng ý và yêu cầu bà H bồi thường số tiền 100.000.000 đồng nên phát sinh tranh chấp.

Xét bà H là người sử dụng đất đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 444 nên bà H được pháp luật bảo hộ để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với thửa đất.

Tuy nhiên, khi các bên đo đạc để được cấp quyền sử dụng đất thì các bên không có thoả thuận căn nhà mà bà T là mẹ ruột của bà H và bà N đã ở trên căn nhà này, trong thời gian sinh sống bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng bà T, bà H không có sinh sống trên phần đất này. Căn nhà bà H yêu cầu bà N tháo dỡ có tổng diện tích 48.6m² (trong đó có 23.8m² gần 50% diện tích trên phần đất bà H đã được cấp quyền sử dụng đất), xét khi thoả thuận chia đất các bên không có thoả thuận về căn nhà chia như thế nào và khi cho đất bà T cũng không có ý kiến gì về căn nhà này, căn nhà này do bà N bỏ tiền ra xây cất, các bên đều có lỗi trong việc thoả thuận nên dẫn đến tranh chấp ngôi nhà. Căn cứ vào biên bản định giá, hiện căn nhà bà N đang sử dụng là nhà bán kiên cố, có kết cấu móng gạch, cột xi măng, kèo gỗ, vách tường + lá, nền xi măng, căn nhà này tháo dỡ, di dời được không ảnh hưởng nhiều đến công năng sử dụng lại là phù hợp, tuy nhiên xét về công sức xây

dựng căn nhà và bà N đã nuôi dưỡng bà T, hiện nay bà N thuộc diện hoàn cảnh khó khăn, có giấy xác nhận hộ nghèo, bà N yêu cầu bà H hỗ trợ chi phí di dời nhà là 65.400.540 đồng, cấp sơ thẩm nhận định bà H chỉ hỗ trợ cho bà N 30.000.000 đồng chi phí di dời nhà là chưa phù hợp, vì căn nhà khi tháo dỡ ra chỉ còn sử dụng lại 50% bà N không thể lưu trú trong căn nhà này được vì phải xây dựng lại nhà mới mới sử dụng sinh hoạt trong cuộc sống được. Do đó bà N yêu cầu bà H hỗ trợ chi phí di dời nhà số tiền 65. 400.540 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N tháo dỡ căn nhà để trả lại phần đất có diện tích 37,4 m² mà bà N đang sử dụng trên thửa đất số 444, diện tích là 63,6m², tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây hàng năm; tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang trên phần đất này có 50% căn nhà diện tích 23,8m² là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chi phí di dời: Nguyên đơn bà H sẽ hỗ trợ chi phí di dời nhà cho bà N số tiền 30.000.000 đồng. Xét việc bà H đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho bà N số tiền 30.000.000 đồng là chưa phù hợp, do đó Hội đồng xét xử quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bà H hỗ trợ chi phí di dời nhà cho bà N số tiền 65.400.540 đồng là phù hợp.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần.

Về án phí: Do sửa một phần bản án phúc thẩm nên bà N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 9 Điều 26, a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 163, 164, 166 và 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 166, 167 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 208/2024/DSST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang về phần bồi thường.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Buộc bà Lê Thị N phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình là nhà ở kết cấu móng gạch, cột xi măng, kèo gỗ, vách tường + lá, nền xi măng và trả lại phần đất diện tích là 37,4m² (trong đó nhà ở là 22,8m² và đất trồng 13,6m²) thuộc thửa 444, diện tích 63,6m², tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây hàng năm; tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01943 ngày 18/9/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận tại phần IV trang 4 những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo hồ sơ số 002100.TA.002 cấp cho bà Lê Thị H ngày

18/11/2019 để trả lại phần đất cho bà Lê Thị H. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vị trí, số đo cụ thể thể hiện tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 30/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, có kèm theo sơ đồ.

Buộc bà Lê Thị H hỗ trợ chi phí di dời nhà cho bà Lê Thị N số tiền 65.400.540 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị N về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 444 tờ bản đồ số 06; diện tích 63,6m² đất tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang là của bà Lê Thị N.

Về án phí: Bà Lê Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm và án phí sơ thẩm.

Bà Lê Thị H phải chịu 3.270.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị H đã đóng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 626.000 đồng theo biên lai thu số 0028829 ngày 16/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G sau khi cần trừ bà còn phải thi hành tiếp số tiền là 2.644.500 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 14 tháng 01 năm 2025 có mặt anh Trần Quang V, vắng mặt anh Lê Trường X.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều